

LỊCH SỬ – VĂN HÓA

ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA TRUNG QUỐC

PGS.TS TRẦN LÊ BẢO

Đại học Sư phạm Hà Nội

Trung Hoa là một nước lớn ở Đông Á có lịch sử lâu đời. Trên lãnh thổ này có hai dòng sông lớn chảy qua: Hoàng Hà (dài 5464 km) và Trường Giang (6300 km). Lịch sử ghi chép, sông Hoàng Hà thường gây lũ lụt để lại hậu quả lớn cho nhân dân nhưng chính dòng sông này đã bồi đắp phù sa màu mỡ làm nên những mảnh đất phì nhiêu, đã tạo điều kiện cho sự phát triển của nông nghiệp tương đối sớm. Chính vì vậy Trung Hoa là một trong những nền văn minh sớm nhất trong lịch sử loài người.

Nói đến văn hóa người ta thường nhắc tới những tiêu chí: văn hóa là con người, văn hóa là giá trị, là truyền thống và bản sắc. Có thể minh định đặc điểm văn hóa từ tiến trình lịch sử, hoặc từ mối quan hệ ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội có thể khám phá những đặc điểm văn hóa của một cộng đồng hoặc một khu vực. Xét từ cội nguồn, diễn hoá lịch sử của văn hóa, văn minh Trung Hoa cùng cấu trúc và chức

năng của nó, chúng ta có thể thấy một số nét đặc trưng của văn hóa Trung Hoa như sau:

1. Nền văn hoá Trung Hoa là nền văn hoá cổ xưa và có truyền thống dài lâu

Dựa vào những chứng cứ từ các tài liệu khảo cổ học, các nhà khoa học đều thừa nhận văn hoá Trung Hoa phát nguyên từ lưu vực trung và hạ lưu sông Hoàng Hà cách nay hơn 5000 năm, tức khoảng thế kỷ XXX TCN. Khi mới định hình (vào khoảng thế kỷ XXI TCN) địa bàn Trung Quốc mới chỉ là một vùng nhỏ ở trung lưu sông Hoàng Hà. Từ đó lãnh thổ Trung Quốc được mở rộng dần cho đến thế kỷ III TCN, phía Bắc của cương giới Trung Quốc chưa vượt qua dãy Vạn lý trường thành ngày nay, phía tây mới đến Đông Nam tỉnh Cam Túc và phía Nam chỉ bao gồm một dải đất nằm theo hữu ngạn sông Trường Giang. Điều này cho thấy nền văn hoá Trung Hoa là một trong những nền văn hoá cổ xưa và có truyền thống lâu đời.

Trung Hoa là một quốc gia rộng thứ ba trên thế giới; có tới 5 đới khí hậu khác nhau. Miền Tây đất cao có nhiều núi khí hậu khô hanh, miền Đông thấp hơn lại gần biển khí hậu tương đối ôn hoà. Chính điều này đã góp phần tạo nên tính đa dạng trong bức tranh văn hoá Trung Quốc. Ở Trung Hoa không chỉ có văn minh lúa nước, mà còn có cả đồng cỏ phù hợp với văn minh du mục, có văn hóa miền núi lại có cả văn hóa biển. Sự đa dạng của các đới khí hậu dẫn đến sự đa dạng trong điều kiện sống. Từ đó làm nên tính cách đa dạng và hài hòa của con người Trung Hoa, đặc biệt tính cách Trung Hoa là sự kết hợp những giá trị tưởng như đối lập của cả văn minh nông nghiệp và văn minh du mục.

Một đặc điểm quan trọng về mặt địa lí của đất nước Trung Hoa là sự phong phú về mặt địa lí: Đông giáp biển, Bắc giáp sa mạc, Tây có núi cao chần..., đặc điểm này đã tạo nên *sự ngộ nhận về “tính chính thể”; “tính toàn vẹn” của văn hóa Trung Hoa*. Quan điểm này đã trở thành nguyên tắc tối cao, vô thượng và có những ảnh hưởng tới những nhận định về “địa văn hoá” cũng như “văn hóa chính trị” của Trung Quốc, mà cách đặt tên nước là một biểu hiện rõ ràng. Mô hình thế giới của người “Trung Quốc” chỉ coi quốc gia mình là trung tâm và coi thường các nước nhược tiểu xung quanh như Tây Nhung, Bắc Địch, Đông Di, Nam Man. Cách gọi tên các nước láng giềng qua ký tự của chữ tượng hình đã thể hiện rõ thái độ này. Thêm nữa, khái

niệm “Thiên hạ” do người Trung Quốc đưa ra cũng đã thể hiện một quan niệm bá chủ thế giới. Khái niệm “Thiên hạ” được giải thích là dưới bầu trời này, đất nào cũng là đất của nhà vua, con dân nào cũng là con dân của nhà vua. Nếu như quan niệm mô hình thế giới ở phương Tây là hình lưới, các nước bình đẳng, ai cũng là đối tác, thì quan niệm “Thiên hạ” của Trung Hoa là hình tháp, quyền lực tập trung vào một người đại diện tối cao là con trời (“Thiên tử”). Điều này đã góp phần mở đường cho tư tưởng bá quyền Trung Quốc.

Về cơ bản, cội nguồn văn hoá Trung Hoa là loại hình văn hoá gốc nông nghiệp. Trong cách ứng xử với môi trường tự nhiên, nghề trồng lúa buộc người dân Trung Hoa phải sống định cư tiến hành trông trọt theo mùa vụ. Họ biết thích nghi với điều kiện tự nhiên và sáng tạo ra nền văn hóa ẩm thực độc đáo Trung Hoa, cùng với cách chữa bệnh kỳ diệu của y học phương Đông.

Do sống phụ thuộc vào thiên nhiên nên cư dân nông nghiệp có ý thức tôn trọng và ước vọng sống hoà hợp với tự nhiên thể hiện ở quan niệm “vạn vật hữu linh”, tư tưởng “kính thiên”, “tôn thiên mệnh”... Dần dần nhận thức của con người thoát khỏi sắc thái thần bí của tôn giáo, hình thành lối tư duy trực giác cụ thể, người Trung Hoa đã nêu ra các học thuyết như Âm Dương, Ngũ Hành, Bát Quái, sáng tạo ra lịch để tính năm, tháng, mùa vụ; sáng tạo ra chữ viết, một thứ chữ đồ theo hình ô vuông nguyên

nhân có lẽ từ điều kiện sản xuất ruộng lúa khô phân chia theo lối “tĩnh điền” (ruộng chia theo hình chữ “tĩnh”). Thứ ngôn ngữ này đã góp phần hình thành tư duy trực giác tổng hợp và tăng cường việc thể chế hóa chính trị trong một quốc gia rộng lớn. Tất cả là sự thăng hoa độc đáo của quá trình cố gắng quan sát và nhận thức tự nhiên của người Trung Hoa thời cổ đại. Như vậy, từ chỗ lệ thuộc vào tự nhiên đến thành kính tự nhiên, từ những kinh nghiệm có tính trực giác về quy luật mùa vụ tuần hoàn đã thúc đẩy sự quan sát khám phá tự nhiên của người Trung Hoa.

Địa bàn phát sinh của văn hoá Trung Quốc so với văn hoá Babilon, văn hoá Hi Lạp thì thuận lợi hơn nhưng so với các nền văn hoá khác như Ai Cập, Nam Bắc châu Mỹ, ngay cả ở tam giác Trường Giang, Chu Giang trên đất nước Trung Quốc thì khó khăn gấp bội. Cuộc đấu tranh với thiên nhiên đã bồi dưỡng cho dân tộc Trung Hoa tinh thần hợp tác đoàn kết giữa người với người, tinh thần coi trọng hoà mục, coi trọng gia tộc huyết thống và đặc biệt tinh thần trách nhiệm và nhập thế của người Trung Quốc rất cao, khác hẳn người Ấn Độ rất coi trọng tinh thần xuất thế. Những giá trị này được bền bỉ bồi đắp qua ngàn năm lịch sử hình thành nên truyền thống văn hoá Trung Hoa.

Điều kiện tự nhiên của địa bàn phát sinh các nền văn minh cổ đại có những thuận lợi và khó khăn khác nhau là điều không tránh khỏi. Song chính những điều này tạo nên tính khác biệt của văn

hoá các cộng đồng người. Đặc biệt còn phải kể đến con người – chủ thể của các nền văn minh. Trung Quốc là một nơi từ rất sớm đã có loài người cư trú. Năm 1929 ở Chu Khẩu Điểm (Bắc Kinh) giới khảo cổ học đã phát hiện được xương hoá thạch của loài vượn người sống cách đây khoảng 40.000 năm. Khảo cổ học đã phát hiện dấu tích của người vượn ở Nguyên Mưu năm 1977 có niên đại 1.700.000 năm. Tuy nhiên chỉ khi ý thức tự giác dân tộc được hình thành, mới làm cho nền văn hoá trở thành văn minh. Như vậy, điều kiện tự nhiên chỉ là nhân tố mở đầu để hình thành một nền văn hoá, còn con người mới là chủ nhân của những giá trị văn hóa và văn minh. Điều này có thể giải thích vì sao điều kiện tự nhiên ở dọc sông Hoàng Hà khắc nghiệt hơn nhiều so với điều kiện tự nhiên ở sông Trường Giang và Chu Giang nhưng đó lại là điểm xuất phát của một nền văn minh rực rỡ.

2. Văn hoá Trung Hoa là nền văn hoá trọng gia đình, gia tộc và huyết thống

Đặc điểm này được lí giải từ sự hình thành gia đình và gia tộc đến quốc gia.

Từ điều kiện sản xuất nông nghiệp luôn phải chống lại thiên tai, cho nên cần hợp tác nhiều người, trước hết là sự hợp tác giữa các thành viên trong gia đình và dòng họ. Dòng họ ở Trung Quốc phát triển nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự gắn kết những con người cùng huyết thống cũng như cung cấp và chuyển giao kỹ thuật riêng. Chính vì vậy, những dòng họ ở Trung

Quốc đặc biệt có khả năng phát triển một cơ cấu huyết thống độc lập và bền chặt.

Hoạt động gắn kết dòng họ đầu tiên phải là hoạt động thờ cúng tổ tiên trong gia đình và dòng họ. Gia phả là minh chứng của sợi dây huyết thống bền chặt và tôn nghiêm. Tính hợp đoàn, đề cao trách nhiệm của những người cùng huyết thống là rất cao. Mọi người trong gia đình không chỉ gắn thân vào hoạt động tập thể để cùng tồn tại mà còn có nghĩa vụ làm rạng danh gia đình và dòng họ. Tôn Trung Sơn cho rằng: cái mà Trung Quốc sùng bái nhất là chủ nghĩa gia tộc và chủ nghĩa dòng tộc. Điều này quan trọng tới mức, để bảo vệ tông tộc người Trung Quốc không tiếc hy sinh cả sinh mạng.

Gia đình gia tộc Trung Quốc cũng là nơi bảo lưu đạo đức phong tục tập quán của xã hội. Cũng theo Tôn Trung Sơn, đạo đức của người Trung Quốc trước hết là trung và hiếu, sau đến nhân ái, tín nghĩa rồi mới đến yêu hòa bình. Chủ hiếu là thế mạnh đặc biệt cũng là phạm trù làm nên bản sắc trong tổ chức cộng đồng của người Trung Quốc.

Quốc gia nô lệ Trung Quốc được hình thành trên cơ sở thị tộc và huyết thống. Quốc gia chỉ là quyền lực của một dòng họ, đây là nhà nước tông pháp thị tộc. Sở hữu ruộng đất tạo điều kiện cho đầu óc gia trưởng ra đời. Tác phong gia trưởng trở thành tác phong quân chủ, tư tưởng tự do bị thủ tiêu, thay vào đó là tư tưởng của một người. Bên cạnh sự áp chế về tư

tưởng thì chế độ thị tộc ra đời đã đưa ra 3 rường mối luân thường là Đức - Lễ - Hiếu để bảo vệ cho giang sơn dòng họ lâu bền và mở đường cho tư duy hướng nội. Con người bắt đầu hình thành nhiều cách rèn luyện đạo đức “hành lễ và tư hiếu”. Thực tiễn của triết học luân lí, lí tính đã làm cho mọi người chỉ biết tuân theo vô điều kiện không dám tư tưởng điều ngược lại, cũng như không hề có ý thức chống đối. Điều này được lễ giáo phong kiến tiếp nối duy trì theo thời gian ngàn năm, đã tạo ra hàng ngàn lớp người chỉ biết thần phục trên đất nước Trung Hoa rộng lớn này.

Mặt khác, khái niệm quốc gia trong tiếng Hán vốn được tổ hợp ý nghĩa của hai từ “quốc” là nước và “gia” là nhà. Điều này cho thấy mối liên hệ chặt chẽ từ gia đình cho tới quốc gia. Trước hết khái niệm “gia” ở đây không chỉ hiểu theo nghĩa là từ chỉ gia đình, mà là một khái niệm gắn liền với chế độ công khanh đại phu có từ thời Xuân Thu. Khi Thiên tử bình xong thiên hạ, sẽ chia thiên hạ thành các tiểu quốc chư hầu, phục tùng vua nhà Chu. Vua nhà Chu tự coi mình là Hoàng đế, hình thức tổ chức quốc gia như mô hình gia đình phóng đại. Mọi quốc gia chư hầu phải tuân thủ theo nguyên tắc gia trưởng. Gia đình là hạt nhân của xã hội, ông vua cũng như một gia trưởng, có điều quyền lực rất lớn. Hạt nhân của mối quan hệ trong gia đình là chữ “hiếu” nay tương ứng và phóng đại lên là chữ “trung”, mọi người trong xã hội đều phải phục tùng nó.

Người Trung Hoa cổ đại thường có câu “Thiên Địa Quân Thân Sư” (trời, đất, vua, cha mẹ, thầy) được ghi trên những bức hoành lớn để thờ cúng. Sự sắp xếp thứ tự các từ cũng có thể cho thấy vai trò quan trọng của gia đình. Người cổ đại lấy gia đình làm gốc (gia chi bản); nguyên tắc và phương pháp “tề gia, trị quốc” là một mạch liên thông. Sư là thầy “sư chi thân” tức là quan hệ tôn trọng thân thiết giữa thầy và trò. Người thầy chính là người thực hiện chức năng kế thừa văn hoá, hướng con người đến những mô thức chung phổ quát của văn hoá cộng đồng. Thân là “huyết duyên chi thân” tức là quan hệ huyết thống gắn bó con cái với cha mẹ. Chử thân dần dần bị thể chế hoá và bị hương khói của lễ nghi chử hiếu che phủ. Quân là nhà vua, tượng trưng cho quyền lực tối cao của quốc gia, đại diện cho chính quyền, với chính quyền người dân chỉ có thể “kính” chứ không “thân” như hai đối tượng trên. Còn hai phạm trù “thiên” và “địa” thuộc lĩnh vực tự nhiên song cũng vô cùng thần bí và vĩ đại. Nếu so sánh “thiên” với “địa”, thì “địa” thân hơn vì “địa” là điều kiện chủ yếu của sự sinh tồn. Còn “thiên” thì xa xôi, thần bí, dữ dội, con người vì sợ nên chỉ “kính” chứ không thân. Tới đây, chúng ta có thể thấy hai hệ thống trong tổ chức cộng đồng, đó là quan hệ gia đình - “quan hệ huyết duyên” thân thích để duy trì nòi giống thông qua hôn nhân; bên cạnh đó là quan hệ xã hội - quan hệ sư – sinh (thầy và trò) và đồng môn (cùng học) thân thích. Đặc biệt quan hệ thầy và trò trong văn hoá Trung Quốc cũng được mô

phỏng từ quan hệ gia đình: thầy và trò như cha và con, bạn đồng môn như anh và em.

Như vậy quan hệ gia đình, xã hội của cộng đồng người Trung Hoa thiên về tính huyết thống nhưng lại xem nhẹ quốc gia. Có thể nói, gia đình và dòng tộc là hạt nhân vững chắc nhất, là điểm tựa và là nơi bảo lưu của văn hoá Trung Hoa.

3. Văn hoá Trung Quốc là nền văn hoá đa dạng nhiều nguồn gốc

Nền văn hoá Trung Hoa có lịch sử lâu đời phong phú đa dạng do nhiều dân tộc trên lãnh thổ Trung Quốc sáng tạo ra. Mặt khác, Trung Quốc lại là nước lớn tiếp giáp với 13 quốc gia, rất thuận lợi cho việc tiếp xúc và giao lưu với nhiều nền văn hóa lớn của châu Á như: văn hóa Ấn Độ, văn hóa Hồi giáo ở Trung Á và Tây Á. Qua thời gian sinh tồn dài lâu trên mảnh đất Trung Quốc, các dân tộc đều có quan hệ gắn bó với nhau về nhiều mặt từ nhu cầu sống còn đến quyền lợi chính trị, kinh tế và văn hoá. Tất cả tạo nên tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa Trung Hoa.

Tộc Hán chiếm đa số dân cư, trong quá trình đồng hoá các dân tộc thiểu số, dù tự giác hay không, thì họ vẫn tiếp thu một số đặc trưng văn hoá của các dân tộc thiểu số làm nên bức tranh văn hoá đa sắc màu Trung Hoa. Ảnh hưởng văn hóa của các dân tộc thiểu số có lúc mạnh mẽ đến mức chẳng những có thể “biến Hán thành Hồ” mà còn làm cho “văn hoá lạc hậu” thâm nhập vào “văn hoá tiên tiến”

và ngược lại. Nhiều mặt văn hoá như: ăn, mặc, ở, đi lại... không phải tất cả đều do người Hán sáng tạo ra mà nhiều giá trị văn hóa còn có nguồn gốc từ các dân tộc thiểu số trên đất Trung Hoa.

Nền văn hoá Trung Hoa được hấp thụ từ nhiều nền văn hoá khác, cả văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần vừa mang bản sắc văn hoá dân tộc Hán vừa mang nét độc đáo của văn hoá các dân tộc thiểu số. Do đó, khi nghiên cứu văn hoá Hán các nhà nghiên cứu luôn phải tiến hành so sánh làm nổi bật mối quan hệ khăng khít với các dân tộc khác trên đất nước Trung Hoa rộng lớn và kì bí. Nó tạo ra tính chất khác biệt so với văn hoá Ấn Độ hay Hi Lạp. Mối quan hệ luôn có hai chiều và chứa đựng những xung đột văn hoá nhất định trong lịch sử 5000 năm.

Trong diễn trình văn hoá, Trung Hoa có ba lần phục hưng văn hoá và ba lần xung đột văn hoá. Đây là những nhân tố thúc đẩy mạnh mẽ sự giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa Trung Quốc và các dân tộc ngoài Trung Quốc, làm phong phú hơn cho nền văn hóa Trung Hoa.

Ba lần phục hưng văn hóa diễn ra như sau:

+ Lần phục hưng thứ nhất vào thời Xuân Thu: Đặc trưng quan trọng của giai đoạn này là “sĩ văn hoá”. Đây là thời đại “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”. Vai trò của kẻ sĩ trong thời này luôn được đề cao. Họ ngồi yên thì thiên hạ thái bình, họ “uốn ba tác lưởi thì thiên hạ đại loạn”.

+ Lần phục hưng thứ hai vào đời Đường: Văn hoá giai đoạn này có đặc

trung là “văn hoá thế tục” hay “văn hoá thị dân”. Văn hóa thời đại này đã xuống đến thứ dân. Đặc biệt đề cao khát vọng tự do và dân chủ. Các nhân vật bình dân đã trở thành đối tượng của văn học.

+ Lần phục hưng văn hoá lần thứ ba là vào thời kì Thanh Mạt dân sơ kéo dài khoảng 100 năm, cho tới nay chưa kết thúc. Phục hưng văn hoá lần ba này đã để lại dấu ấn tương đối mạnh mẽ trong lòng xã hội Trung Quốc. Đó là tinh thần phản truyền thống, phản cổ điển giống như đi theo con đường phục hưng của phương Tây mà cũng không giống phương Tây. Bên cạnh đó, văn hóa Trung Hoa tiếp thu những giá trị văn hóa văn minh của phương Tây, vẫn cố gắng gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống Trung Hoa.

Ba lần xung đột văn hoá với các dân tộc khác cũng đem lại nhiều sắc màu mới cho văn hoá Trung Quốc. Đây cũng là những cuộc tiếp biến văn hoá mạnh mẽ. Giao lưu tiếp biến văn hoá được coi là một trong những nguyên nhân quan trọng của quá trình hình thành những giá trị văn hoá mới của mỗi dân tộc.

+ Xung đột văn hoá lần nhất: Là sự kiện “Ngũ Hồ loạn Hoa”. Trung Quốc vừa thoát khỏi thời kì Tam quốc sau một thời gian ngắn, lại rơi vào cục diện Nam Bắc triều phân trị, nước Hồ thừa cơ xâm nhập. Đây là giai đoạn văn hoá Trung Quốc tiếp thu được văn hoá các dân tộc thiểu số, trong đó đặc biệt là văn hoá dân tộc Hồ. Thậm chí, giá trị văn hóa Hồ được coi là tiêu chuẩn giá trị trong thời nhà Đường.

+ Xung đột văn hoá lần hai: Là sự kiện người du mục Mông Cổ xâm nhập vào cuối đời Tống. Vào giai đoạn này, văn hoá dân gian với sức sống bền bỉ đã có thời cơ phát triển đến đỉnh cao rực rỡ.

+ Xung đột văn hoá lần ba: Là sự đụng độ của văn hoá Trung Hoa với văn hoá phương Tây vào cuối đời nhà Thanh cho tới nay vẫn chưa kết thúc.

Bên cạnh những lần đụng độ văn hoá này, Trung Quốc còn giao lưu với các nền văn hoá khác như Nhật Bản, Triều Tiên, các quốc gia ở Nam Á, Đông Nam Á trong đó có Việt Nam. Như vậy, văn hoá Trung Hoa phát triển hoàn không tách biệt với khu vực và thế giới. Trung Quốc đã hấp thụ và dung hợp những tinh hoa văn hoá của nhân loại để làm phong phú hơn, đa dạng hơn, cho nền văn hoá của nước mình. Chính vì vậy, nền văn hoá Trung Hoa là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng và đậm đà bản sắc dân tộc.

4. Văn hoá - tôn giáo - lễ chế - tập tục

Ở Trung Quốc, các thành tố của văn hóa tinh thần như tôn giáo, lễ chế và tập tục đặc biệt gắn bó, nương tựa và chuyển hóa lẫn nhau, tạo nên sự đặc sắc của văn hóa Trung Hoa

Trung Quốc là quốc gia có nhiều tôn giáo, bao gồm tôn giáo bản địa và cả tôn giáo ngoại lai, những tôn giáo này có ảnh hưởng to lớn tới tâm linh người Trung Hoa, tạo nên đặc sắc văn hóa Trung Hoa. Tôn giáo tiêu biểu nhất của Trung Quốc là sự dung hợp thành một mối của

Nho - Đạo - Phật, mà người ta thường gọi là “tam giáo đồng nguyên”, phù hợp với tư tưởng tình cảm và tín niệm của người Trung Hoa. Mặt khác, người ta cũng thấy chức năng to lớn của cả ba tôn giáo này trong xã hội Trung Quốc xưa: Nho giáo dùng để trị dân, Phật giáo dùng để an dân và Đạo giáo dùng để mê dân. Hợp cả ba tôn giáo lại rõ ràng chúng có sức mạnh to lớn đối với đời sống tâm linh của cá nhân và cả trong tổ chức xã hội.

Tôn giáo Trung Quốc được chuyển hóa theo những con đường đặc thù. Tiêu biểu là chính trị hóa tôn giáo. Các bậc đế vương Trung Hoa thường lợi dụng vai trò to lớn của tôn giáo để thần thánh hoá sức mạnh của triều đại mình. Nhà vua tự coi mình là Thiên tử (con trời) và thay trời trị dân, giữ vai trò tế trời đất... Triều đại của nhà vua Trung Hoa được gọi là “Thiên triều” khác với các nước chư hầu là “Quốc triều”. Chỉ điều này cũng cho thấy sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Á. Nếu như ở phương Tây, quan hệ các nước là độc lập, bình đẳng; thì ở phương Đông, quan hệ của Trung Quốc với các nước là bất bình đẳng, chỉ có quan hệ trên dưới.

Mặt khác, lễ chế chính trị lại được luân lí hoá. Mối quan hệ xã hội không tách rời quan hệ gia đình Quân Thần, Phụ Tử và Phu Phụ. Cùng với sự phát triển của xã hội phong kiến hàng ngàn năm là sự phát triển tương ứng ngày càng hoàn thiện của luân lí lễ giáo. Người Trung Hoa đã hoàn thiện một hệ

thống các lễ nghi hướng dẫn hành vi của con người. Tất cả những điều này được xã hội hóa đi sâu vào mọi ngõ ngách của tâm thức con người và trong đời sống cộng đồng. Vì vậy, việc “thế tục hoá luân lí” cũng là một đặc sắc của văn hoá Trung Hoa. Trong quá trình ứng xử giữa người với người, thì sự ra đời của luân lí là một tất yếu. Nó là quy tắc “tam cương ngũ thường” nhân – lễ – nghĩa – trí – tín..., luân lí định hướng cho hành vi của cá nhân, được cả xã hội thừa nhận coi trọng và bảo lưu.

Trong quá trình cai trị xã hội, giai cấp phong kiến Trung Hoa làm chính trị không chỉ đơn thuần dựa vào vũ lực, mà còn dựa vào văn hóa, dựa vào luân lí lễ giáo, buộc mọi người phải phục tùng từ trong gia đình tới ngoài xã hội, theo tiêu chí của chữ Hiếu và chữ Trung. Điều này đã làm cho nền chính trị được ổn định lâu dài.

Tóm lại tôn giáo, chính trị, luân lí như là tam vị nhất thể, gắn kết nương tựa vào nhau, ba mà một, chính trị hóa tôn giáo, luân lí hóa chính trị, thế tục hóa luân lí là một quá trình thống nhất và hoàn thiện cả ba mặt quan trọng của văn hóa tinh thần Trung Hoa. Nó không chỉ làm nên sức mạnh của con người và xã hội mà còn làm nên giá trị văn hoá độc đáo của đất nước Trung Hoa.

5. Chế độ phong kiến quận huyện là một đặc sắc về văn hoá tổ chức cộng đồng - là thể chế chính trị của văn hoá Trung Hoa

Thể chế chính trị là hình thức tổ chức chính quyền nhà nước gồm hai nội dung:

vấn đề kết cấu trật tự tổ chức và sự phân phối chức quyền, hai là nguyên tắc tổ chức cơ cấu nhà nước.

Tôn Trung Sơn cho rằng nền triết học chính trị của Trung Quốc rất tốt đẹp và có hệ thống. Đó là câu kinh điển trong sách Đại Học: Cách vật, chí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” (đi sâu vào bản chất sự vật, mở rộng sự hiểu biết, tâm ý phải chân thành, lòng dạ phải ngay thẳng, tu dưỡng cá nhân, làm cho gia đình có trật tự nên nếp, cai trị đất nước ổn định và làm cho thiên hạ an bình)

Cội nguồn của chế độ “chuyên chế phương Đông” trong đó có Trung Quốc là vấn đề “xã hội thủy lợi” phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và giao thông. Trên cơ sở xây dựng và quản lý những hệ thống thủy lợi với quy mô lớn, đòi hỏi phải có sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền trung ương. Điều này chưa hẳn đã hoàn toàn đúng, song cũng cho thấy vai trò quan trọng của thủy lợi trong tổ chức kinh tế, xã hội ở Trung Quốc xa xưa. Vấn đề xây dựng hệ thống thủy lợi không đơn giản chỉ là cần cần kỹ thuật mà còn đòi hỏi tính hợp quần của dân chúng, tính kỷ cương của phép nước, đề cao trách nhiệm cộng đồng hơn là lợi ích cá nhân...Chính điều này tạo tiền đề cho nhà nước chuyên chế phương Đông ở Trung Quốc ra đời.

Trung Quốc thời cổ xuất hiện hai loại hình nhà nước là chế độ quân chủ quý tộc tông pháp thuộc chế độ nô lệ và chế độ quân chủ chuyên chế thuộc chế độ phong kiến Trung Quốc.

+ Chế độ quân chủ quý tộc tông pháp thời Hạ - Thương - Chu có những đặc điểm nổi bật: có hai chủ thể quyền lực là quân chủ và nguyên lão quý tộc. Thời gian của quân chủ quý tộc là suốt đời, chế độ thế tập cũng là suốt đời. Mối quan hệ của quân chủ và hội nghị quý tộc là dựa vào nhau cùng tồn tại. Nguyên tắc tổ chức nhà nước dựa trên quan hệ huyết thống tông pháp.

+ Chế độ quân chủ chuyên chế có đặc điểm: Quyền lực tập trung trong tay hoàng đế, quyền lực không thể giao cho dòng họ khác mà chỉ những người trong nội tộc nắm giữ những chức vụ cao nhất. Ngôi hoàng đế là cha truyền con nối và không thay đổi trong từng triều đại. Dưới vua là hệ thống quan lại giúp tạo nên hệ thống giai cấp thống trị.

Chế độ quân chủ chuyên chế ở Trung Quốc tiến triển chậm chạp song dai dẳng và đa dạng. Điều cảm thấy là sức mạnh của thể chế này dựa trên đội ngũ những viên chức nho sĩ cao cấp, quan lại duy trì chế độ quân chủ chuyên chế kéo dài hàng ngàn năm; làm nên nét độc đáo của xã hội và văn minh Trung Quốc. Thể chế này đã minh chứng tính ưu việt và bền chặt bằng hiệu quả của nó. Trước hết là duy trì sự thống nhất từ trung ương tới địa phương, qua một không gian chính trị rộng lớn; *hai là* sự tự điều chỉnh, tự cân bằng trong một xã hội rộng lớn, Hán hóa mọi yếu tố ngoại lai; *ba là* tự thống nhất là lý do tồn tại hàng đầu của đế chế Trung Quốc.

Quan lại, tầng lớp viên chức cao cấp của Trung Quốc có số lượng không

nhiều, được tuyển chọn kỹ qua các kỳ thi phức tạp. Với kiến thức rộng lớn, tư tưởng tình cảm, những mối quan tâm, kể cả cách suy nghĩ của quan lại đều thống nhất theo mô hình văn hóa: “Tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ”. Điều này không chỉ làm cho họ gần nhau, đồng tình với nhau mà còn thống nhất trong cách cai trị quốc gia. Họ thực sự là “phụ mẫu chi dân”, đem văn hóa từ trên cao của nhà vua thực thi tới mọi thân dân ở khắp nơi trên đất nước Trung Quốc rộng lớn. Họ đảm nhận mọi công việc hành chính, tư pháp, an ninh chỉ huy tác chiến, chăm lo bảo dưỡng đường xá giao thông, kênh mương đê đập, hệ thống tưới tiêu... cả thực thi đạo đức lẫn răn đe sửa chữa những cái phi đạo đức. Vì vậy họ mới đề cao tính nghiêm ngặt của kỷ cương và phép nước.

Những viên quan Trung Quốc chỉ biết có một nghề đó là nghề cai trị và lãnh đạo. Họ nhờ vào danh vị trí thức đạt được qua các kỳ thi, cùng những quyền lợi ưu tiên đặc biệt do xã hội dành cho để cai trị. Mặc dù số lượng của họ không nhiều, nhưng ảnh hưởng về địa vị và uy tín cũng như quyền lực được trao đã đem lại cho họ sức mạnh tuyệt đối.

Những viên quan Trung Quốc thực sự là những nhà “kỹ trị” đầy tài năng và hiệu quả mới có thể duy trì chế độ phong kiến dài lâu như vậy. Họ chính là biểu hiện cho sức mạnh chính trị kinh tế văn hóa Trung Quốc, là trật tự đứng trước sự hỗn loạn, là văn hóa thống nhất từ trung ương tới địa phương, tạo nên tính thuần

nhất và sức sống dài lâu của nền văn minh Trung Hoa. Cố nhiên cái trật tự của nhà nước phong kiến Trung Quốc không phải chỉ có hậu quả tốt, mà có nhiều cái tiêu cực. Chính người Trung Quốc phải trả giá về điều này.

Xét về góc độ chính trị thì chính thể chuyên chế Trung Quốc có những điểm tích cực và tiêu cực:

- *Về mặt tích cực:* Chế độ chuyên chế này làm cho Trung Quốc sớm hình thành quốc gia thống nhất, sớm sản sinh ra nền văn minh với trình độ phát triển cao hơn các quốc gia khác cùng thời; đã đóng góp to lớn cho văn hoá nhân loại hệ tư tưởng cốt lõi về văn trị có cội nguồn từ Nho gia. Văn hoá Trung Quốc là nơi phát sinh chế độ cử hiền dưỡng sĩ để rồi có chế độ thi cử tuyển chọn người tài.

- *Về mặt tiêu cực:* Chế độ chuyên chế Trung Quốc sản sinh ra nhiều thanh quan đúng là “phụ mẫu chi dân”, song cũng không hiếm quan tham bóc lột vơ vét tàn sát dân lành. Đặc biệt vào giai đoạn cuối của mỗi triều đại, xã hội trì trệ rối ren, lúc này nền quần chủ Trung Hoa quá cực đoan cứng nhắc, kìm hãm sự phát triển của kinh tế, chính trị, xã hội, gây nên nhiều đau khổ cho dân chúng. “Quan bức thì dân phản”, dân chúng nhất định đứng lên lật đổ triều đại đó và thành lập một triều đại mới tốt đẹp hơn.

Tóm lại, Trung Hoa là nước có một nền văn hoá lâu đời với những giá trị văn hoá rực rỡ. Với những đặc điểm văn

hoá như trên có thể thấy văn hoá Trung Quốc là một nền văn hoá mở có sức tiếp nhận và lan toả rộng rãi, tạo nên một vùng văn hoá Hán (Hán văn hoá quyển) ảnh hưởng tới nhiều nước trong khu vực và thế giới từ xưa tới nay, trong đó Việt Nam chịu ảnh hưởng khá sâu sắc.

TU LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Trần Lê Bảo, *Giáo trình văn học Châu Á 1* NXB GD 2001.
2. Trần Lê Bảo, *Nhập môn khu vực học và Việt Nam học*, NXBGD 2008
3. Đại học Quốc gia HN. Hội thảo khoa học *Khu vực học : cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp giảng dạy* HN 2006 Nxb ĐHQGHN. 2006
4. Trần Văn Giàu. *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*. Nxb KHXH. 1983
5. Đàm Gia Kiện *Lịch sử văn hóa Trung Quốc* Nxb KHXH 1993
6. Phêđêricô Mayo. *Một thế giới mới*. UBQG UNESCO Việt Nam 1999.
7. Nhiều tác giả. *Lịch sử văn hóa Trung Quốc (Ba trăm đề mục)* Nxb Cổ tịch Thượng Hải-Nxb VHTTHN 1999.
8. A. Radugin *Từ điển Bách khoa Văn hóa học*. Vũ Đình Phòng dịch, Viện NCVHNT 2002.
9. Edward W. Said. *Đông phương học*. (Lưu Đoàn Huynh ...dịch) Nxb Chính trị Quốc gia HN 1998
10. Lương Duy Thứ (chủ biên), *Lịch sử văn hóa phương Đông*, NXBGD 1996.
11. *Toàn cầu hóa văn hóa*. Tư liệu chuyên đề. Học viện Chính trị Quốc gia HCM 2000.

